

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/12/2024
V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và ông Trần Xuân Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2024/TLST - HNGĐ ngày 04/10/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị V, sinh năm 1974; nơi thường trú và cư trú: Thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Quang B, sinh năm 1968; nơi thường trú và cư trú: Thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Bà tự nguyện đăng ký kết hôn với ông Lê Quang B vào ngày 22/12/1992, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B tính tình gia trưởng luôn bắt bà phải làm theo ý mình; nếu bà không nghe lời thì ông B lại đe dọa ly hôn và đánh chửi bà. Việc này diễn ra thường xuyên nhưng vì nghĩ đến các con mà bà phải cố gắng

chịu đựng, nhẫn nhịn nhưng ông B vẫn không chịu thay đổi và cũng bỏ mặc không quan tâm gì đến bà khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau; cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc. Việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nhiều lần động viên, hoà giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 12/2018 và bà đã về nhà bố mẹ để ở; cũng từ thời gian này đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông B không còn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quang B để sớm ổn định cuộc sống. Bà xác định việc ông B vắng mặt tại phiên hoà giải lần 1, lần 2 và tại phiên toà là cố tình gây khó khăn cho bà trong việc ly hôn, do vậy bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc ông B vắng mặt theo quy định của pháp luật.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn - ông Lê Quang B trình bày:

Về hôn nhân: Ông tự nguyện đăng ký kết hôn với bà Trần Thị V ngày 22/12/1992, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2018 thì ông vào Miền nam với các con và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, vợ chồng chỉ có va chạm nhỏ. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn, ông không muốn các con phải suy nghĩ việc của bố mẹ và ông là người theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn. Nếu bà V vẫn kiên quyết xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà V, ông B đều xác định vợ chồng có 02 con chung là anh Lê Quang Gi, sinh ngày 25/4/1994 và chị Lê Thị Vân A, sinh ngày 05/01/2002; hiện nay anh Gi, chị Vân A đều đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và sống tự lập; anh Gi cũng đã có gia đình riêng. Ly hôn ông, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Bà V, ông B đều tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục có quan điểm: Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị V. Xử cho bà Trần Thị V ly hôn ông Lê Quang B.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V xin ly hôn ông Lê Quang B, đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn,*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; ông B có nơi thường trú và cư trú tại thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị V và ông Lê Quang B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/12/1992 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà V xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông B tính tình gia trưởng luôn bắt bà phải làm theo ý mình; nếu bà không nghe lời thì ông B lại đe dọa ly hôn và đánh chửi bà. Việc này diễn ra thường xuyên nhưng vì nghĩ đến các con mà bà phải cố gắng chịu đựng, nhẫn nhịn nhưng ông B vẫn không chịu thay đổi và cũng bỏ mặc không quan tâm gì đến bà khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau; cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc. Việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nhiều lần động viên, hoà giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 12/2018 và bà đã về nhà bố mẹ để ở; cũng từ thời gian này đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông B không còn và đề nghị Tòa án nhân

dân huyện Bình Lục giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quang B để sớm ổn định cuộc sống. Ông B xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, vợ chồng chỉ có va chạm nhỏ. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn, ông không muốn các con phải suy nghĩ việc của bố mẹ và ông là người theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn. Nếu bà V vẫn kiên quyết xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc với Toà án đại diện chính quyền địa phương xã Đ có quan điểm: Bà V, ông B sống ly thân từ năm 2018 đến nay nhưng cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ của vợ chồng. Do vậy đề nghị Toà án xem xét giải quyết vụ án bà V xin ly hôn ông B theo quy định của pháp luật để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà V có quan điểm mong muốn được ly hôn ông B để ổn định cuộc sống. Mặc dù ông B muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng ông B lại cố tình vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do. Xét thực tế mâu thuẫn của vợ chồng bà V, ông B xảy ra đã lâu nhưng cả hai cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ của vợ chồng nên khả năng bà V, ông B đoàn tụ là không còn; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bà V; xử cho bà V ly hôn ông B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị V và ông Lê Quang B đều xác định vợ chồng có 02 con chung là anh Lê Quang Gi, sinh ngày 25/4/1994 và chị Lê Thị Vân A, sinh ngày 05/01/2002; hiện nay anh Gi, chị Vân A đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và sống tự lập; anh Gi cũng đã có gia đình riêng. Ly hôn ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do bà V, ông B đều tự nguyện không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà V phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho bà Trần Thị V ly hôn ông Lê Quang B.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà V đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000626 ngày 04/10/2024 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà bà phải nộp (bà V đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Bà Trần Thị V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Lê Quang B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Đ; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng